| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM**<br>TỈNH NINH THUẬN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 28/2021/DS-ST.
Ngày: 27 - 9 – 2021.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Xuân Hà.

2. Ông Trần Hoàng Liên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đăng Cốc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn*: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Đường L, phường T, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố P, tỉnh N (Theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-$NHN_o$-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Vũ Thị B – Cán bộ pháp chế Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố P, tỉnh N (Theo Giấy ủy quyền số 257/QĐ-$NHN_o$NT-PR ngày 28/12/2019 của Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố P, tỉnh N) *(Có mặt)*.

*2/ Bị đơn*: Ông Nguyễn Anh T - sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố 3, phường

Đ, thành phố P, tỉnh N *(Vắng mặt)*.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-12-2020 của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là bà Vũ Thị B trình bày:*

Ngày 24-8-2018 ông Nguyễn Anh T có ký hợp đồng tín dụng số 1600/HĐTD với Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố P, tỉnh N *(Viết tắt là Ngân hàng)* vay số tiền 120.000.000[đ] *(Một trăm hai mươi triệu đồng)* để sử dụng vào mục đích cá nhân; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày đầu tiên bên cho vay giải ngân cho bên vay đến ngày 10/8/2023. Lãi suất cho vay, lãi chậm trả lãi, phí theo mức lãi suất áp dụng khi điều chỉnh: bằng trần lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do A công bố còn hiệu lực đến kỳ điều chỉnh + biên độ lãi suất đã ấn định từ khi hết hợp đồng tín dụng nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay cùng loại hình do A công bố tại thời điểm điều chỉnh. Định kỳ điều chỉnh tối thiểu 3 tháng/1 lần vào ngày 01 tháng 01 và ngày 01 tháng 7 hàng năm; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10,5%/năm trên nợ gốc (Trong đó: lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của A là 6,6%/năm; biên độ lãi suất thỏa thuận ấn định là 3,9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn trên số dư nợ gốc quá hạn. Phương thức cho vay là từng lần; kỳ hạn trả gốc, trả lãi thực hiện theo "Phụ lục theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ" kèm theo hợp đồng tín dụng. Thời điểm vay tiền của Ngân hàng thì ông Nguyễn Anh T là cán bộ công tác tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh N nên đã cam kết trả nợ từ tiền lương hàng tháng.

Việc trả nợ gốc, lãi tiền vay được thực hiện: Khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu bên vay (ông T) không trả nợ đúng hạn gốc và không được bên cho vay (Ngân hàng) chấp thuận cho cơ cấu lại nợ thì số dư nợ gốc đến hạn chưa trả được của hợp đồng tín dụng phải chuyển sang nợ quá hạn; theo đó bên vay phải chịu lãi suất phạt quá hạn trên số nợ gốc quá hạn theo quy định tại khoản 3 điều 7 của hợp đồng tín dụng. Khi bên vay (ông T) vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì bên cho vay (Ngân hàng) có quyền thu hồi khoản nợ vi phạm trước hạn, nếu không thu hồi được phần dư nợ gốc vi phạm và lãi tương ứng, khoản nợ gốc, lãi vi phạm phải chuyển sang nợ quá hạn; theo đó bên vay (ông T) phải chịu lãi suất phạt quá hạn trên số nợ gốc quá hạn theo quy định tại khoản 3 điều 7 của hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 27/9/2021 ông T đã trả cho Ngân hàng được số tiền 5.621.000 đồng (Trong đó: số tiền gốc đã trả là 4.223.133 đồng, số tiền lãi đã trả là 1.397.867 đồng). Tính đến ngày hôm nay 27/9/2021 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền là 155.486.025 đồng *(Một trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 115.776.867 đồng; Nợ lãi là 39.709.158 đồng (lãi trong hạn là 36.683.660đồng, lãi quá hạn: 3.025.498 đồng).

Đến ngày 06/11/2018 ông T đã không còn làm việc tại Ủy ban nhân dân phường T và không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ đã vay cho Ngân hàng. Như vậy ông T đã vi phạm điểm đ khoản 2 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 1600/HĐTD

ngày 24-8-2018. Bởi vậy Ngân hàng khởi kiện ông T tại Tòa án nhân dân thành phố P đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 27/9/2021 là 155.486.025 đồng *(Một trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng*) và lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 28/9/2021 cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Anh T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27-9-2021 là 155.486.025 đồng *(Một trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng*) và lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 28/9/2021 cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Anh T phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 1600/HĐTD ngày 24-8-2018 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Anh T. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông Nguyễn Anh T có nơi cư trú tại khu phố 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh N. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh N.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham

gia phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Anh T nhưng ông T không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

[2.1]. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Anh T trả số tiền gốc và lãi đã vay; Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Anh T ký kết Hợp đồng tín dụng số 1600/HĐTD ngày 24-8-2018. Hợp đồng này được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận, bảo vệ. Sau khi ký hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền vay là 120.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi triệu đồng)*. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông T có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng từ tiền lương hàng tháng nhưng trong quá trình vay ông T chỉ trả được số tiền 5.621.000 đồng (Trong đó: số tiền gốc đã trả là 4.223.133 đồng, số tiền lãi đã trả là 1.397.867 đồng). Sau đó ông T không trả bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc, gửi giấy báo và liên hệ làm việc. Do đó, có cơ sở khẳng định ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Các bên thỏa thuận tại thời điểm xác lập Hợp đồng tín dụng về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 và Điều 418 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Anh T; có nội dung thể hiện Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả số tiền vay còn nợ, bao gồm nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình nên có cơ sở khẳng định ông T đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[2.4]. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Anh T phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27-9-2021) tổng cộng là 155.486.025 đồng *(Một trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng*) là phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký kết, theo "Phụ lục theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ" kèm theo hợp đồng tín dụng, Bảng kê chi tiết tình hình nợ gốc và lãi; đồng thời phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[2.5]. Ngân hàng yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27-9-2021), ông Nguyễn Anh T còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 28/9/2021 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng. Xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số

1600/HĐTD ngày 24-8-2018; phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Anh T trả số tiền 155.486.025 đồng *(Một trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng*) và được Tòa án chấp nhận toàn bộ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.774.000 đồng (Đã làm tròn) *(Bảy triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn đồng)*.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ vào**:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc ông Nguyễn Anh T phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tổng cộng là 155.486.025 đồng *(Một trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 115.776.867 đồng; Nợ lãi là 39.709.158 đồng (lãi trong hạn là 36.683.660đồng, lãi quá hạn: 3.025.498 đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-9-2021), ông Nguyễn Anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1600/HĐTD ngày 24-8-2018 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi ông Nguyễn Anh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Anh T phải chịu 7.774.000 đồng *(Bảy triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn đồng)*.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.622.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023245 ngày 18-01-2021 của Chi cục thi hành dân sự thành phố P, tỉnh N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27-9-2021). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Hồng**